

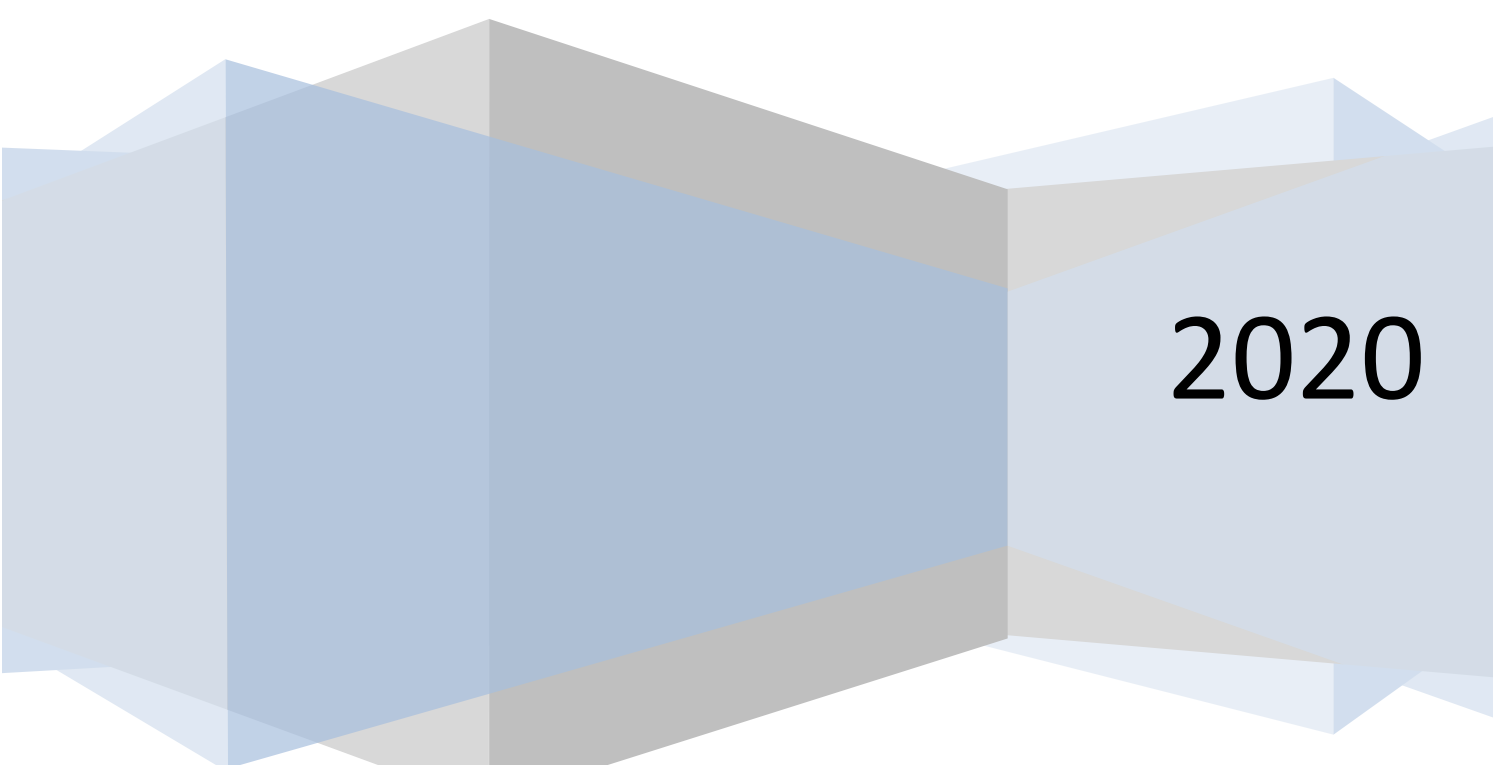


HỒ SƠ THỊ TRƯỜNG THỎ NHĨ KỲ

Người liên hệ: Tà Tuyết Mai

Tel: 04.35742162

Email: maitt@vcci.com.vn



2020

HỒ SƠ THỊ TRƯỜNG THỔ NHĨ KỲ

MỤC LỤC

I. GIỚI THIỆU CHUNG.....	1
1. Các thông tin cơ bản.....	1
2. Lịch sử	1
3. Đường lối đối ngoại	2
II. TÌNH HÌNH KINH TẾ.....	2
1. Tổng quan.....	2
2. Các ngành kinh tế mũi nhọn:.....	3
3. Các chỉ số kinh tế	3
III. QUAN HỆ NGOẠI GIAO – CHÍNH TRỊ VỚI VIỆT NAM.....	4
Các chuyến thăm cao cấp gần đây	4
IV. QUAN HỆ KINH TẾ VỚI VIỆT NAM	4
1. Hợp tác thương mại	5
2. Hợp tác đầu tư	7
V. HỢP TÁC VỚI VCCI.....	7
1. Thỏa thuận hợp tác đã ký kết.....	7
2. Hoạt động đã triển khai.....	7
VI. THÔNG TIN HỮU ÍCH.....	8
1. Địa chỉ hữu ích	8
2. Các thông tin khác	8
Bảng 1: Xuất khẩu VN Thổ Nhĩ Kỳ.....	9
Bảng 2: Nhập khẩu VN Thổ Nhĩ Kỳ	10

I. GIỚI THIỆU CHUNG



1. Các thông tin cơ bản

Tên nước	Cộng hòa Thổ Nhĩ Kỳ (Republic of Turkey)
Thủ đô	Ankara
Quốc khánh	29/10
Diện tích	780,580 km ²
Dân số	80,845,215 (7/ 2017) trong đó người Thổ chiếm 70-75%, người Kurk chiếm 19%, các dân tộc khác 7-12%
Các thành phố lớn	Istanbul 14.164 triệu người; ANKARA (thủ đô) 4.75 triệu người; Izmir 3.04 triệu người; Bursa 1.923 triệu người; Adana 1.83 triệu người, Gaziantep 1.528 triệu người (2015).
Khí hậu	Mùa đông lạnh, ẩm ướt, có tuyết nhiều tháng. Mùa hè ôn hoà. Nhiệt độ trung bình 20oC..
Ngôn ngữ	Tiếng Thổ là quốc ngữ, ngoài ra còn có tiếng Cuốc, Đim-li, A-ze-ri, Ka-bac-đi-an ...
Tôn giáo	99.8% dân số theo Đạo Hồi (dòng Sunni) ngoài ra còn có tín đồ Thiên chúa giáo và Do thái giáo
Đơn vị tiền tệ	Lira (1 USD = 3.5 Lira, năm 2016)
Múi giờ	GMT + 2
Thế chế	Cộng hoà nghị viện
Tổng thống	Recep Tayyip ERDOGAN (từ 10/08/2014)
Thủ tướng	Recep Tayyip ERDOGAN (từ 9/7/2019)

2. Lịch sử

Thổ Nhĩ Kỳ có nền văn minh lâu đời (từ hơn 2000 năm trước công nguyên). Từ 1200 trước Công Nguyên, Thổ Nhĩ Kỳ bị Hy Lạp, La Mã xâm chiếm, đô hộ. Từ thế kỷ thứ 7 đến thế kỷ 13, Thổ bị đế quốc A-rập thôn tính, truyền bá đạo Hồi vào Thổ. Từ thế kỷ 14 Thổ trở thành một đế quốc phong kiến cường thịnh

(đế quốc Ôt-tô-man), thôn tính phần lớn vùng Trung Đông, Bắc Phi và đô hộ khu vực này cho đến đầu thế kỷ 20.

Chiến tranh thế giới lần thứ nhất kết thúc, là đồng minh của nước Đức bại trận, Thổ Nhĩ Kỳ bị Anh, Pháp, Hy-lạp chia nhau chiếm đóng.

Năm 1919, dưới sự lãnh đạo của Mustafa Kamal, nhân dân Thổ Nhĩ Kỳ đã đứng lên chống chế độ phong kiến và quân chiếm đóng nước ngoài. Tháng 4/1920, chính phủ đầu tiên do M.Kamal đứng đầu đã được thành lập. Ngày 29 tháng 10 năm 1923, nước Cộng hoà Thổ Nhĩ Kỳ được thành lập.

3. Đường lối đối ngoại

Từ sau chiến tranh lạnh đến nay, Thổ thi hành chính sách đối ngoại đa dạng hoá, chủ trương phát triển quan hệ với nhiều nước khác nhau, nhưng vẫn giành ưu tiên quan hệ với phương Tây và Mỹ, chủ trương xây dựng quan hệ đối tác chiến lược với Mỹ và thúc đẩy tiến trình gia nhập EU. Thổ có quan hệ tốt với các nước khu vực Balkan, Trung Đông và các nước thuộc Liên Xô cũ. Hiện nay Thổ đang phát triển quan hệ với Ấn Độ, Trung Quốc, Canada và mong muốn mở rộng quan hệ với các nước ASEAN, trong đó có Việt Nam.

II. TÌNH HÌNH KINH TẾ

1. Tổng quan

Nền kinh tế thị trường tự do chủ yếu của Thổ Nhĩ Kỳ được thúc đẩy bởi ngành công nghiệp và các ngành dịch vụ ngày càng tăng, mặc dù ngành nông nghiệp truyền thống vẫn chiếm khoảng 25% việc làm. Các ngành công nghiệp ô tô, hóa dầu và điện tử đã tăng tầm quan trọng và vượt qua các ngành dệt may truyền thống trong ngành xuất khẩu của Thổ Nhĩ Kỳ. Tuy nhiên, sự ổn định chính trị và tính năng động kinh tế gần đây đang bị thay thế bởi những bất ổn trong nước và các vấn đề an ninh, tạo ra biến động thị trường tài chính và ảnh hưởng mạnh đến triển vọng kinh tế của Thổ Nhĩ Kỳ.

Chính sách hiện hành của chính phủ nhấn mạnh các biện pháp chi tiêu dân túy và phá vỡ tín dụng, trong khi thực hiện cải cách kinh tế cơ cấu đã chậm lại. Chính phủ đóng một vai trò tích cực hơn trong một số lĩnh vực chiến lược và đã sử dụng các thể chế kinh tế và cơ cấu quản lý để nhắm vào các đối thủ chính trị, làm suy yếu niềm tin của khu vực tư nhân trong hệ thống tư pháp. Từ tháng 7 năm 2016 đến tháng 3 năm 2017, ba cơ quan xếp hạng tín dụng đã hạ xếp hạng tín dụng chủ quyền của Thổ Nhĩ Kỳ, trích dẫn những lo ngại về quy định của pháp luật và tốc độ cải cách kinh tế.

thổ Nhĩ Kỳ vẫn phụ thuộc nhiều vào dầu khí nhập khẩu nhưng đang theo đuổi các mối quan hệ năng lượng với các đối tác quốc tế và thực hiện các bước tăng cường sử dụng các nguồn năng lượng trong nước bao gồm năng lượng tái tạo, hạt nhân và than. Đường ống dẫn khí tự nhiên của Thổ Nhĩ Kỳ-Azerbaijan Trans-Anatolian đang tiến lên để tăng cường vận chuyển khí Caspi đến Thổ Nhĩ Kỳ và châu Âu, và khi hoàn thành sẽ giúp đa dạng hóa nguồn khí đốt nhập khẩu của Thổ Nhĩ Kỳ.

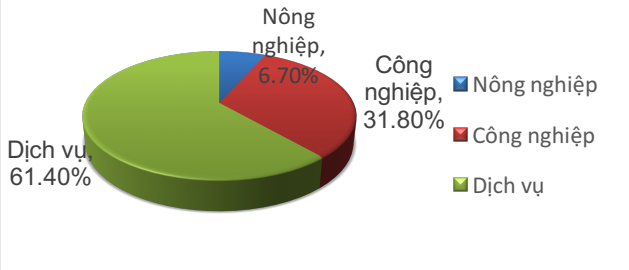
Sau khi Thổ Nhĩ Kỳ trải qua một cuộc khủng hoảng tài chính nghiêm trọng vào năm 2001, Ankara đã thông qua cải cách tài chính và tài chính như một phần của chương trình IMF. Các chương trình tư nhân hóa tích cực cũng làm giảm sự tham gia của nhà nước trong ngành công nghiệp cơ bản, ngân hàng, giao thông, phát điện, và truyền thông. Điều kiện kinh tế toàn cầu và chính sách tài chính chặt chẽ hơn khiến GDP phải ký hợp đồng trong năm 2009, nhưng thị trường tài chính và hệ thống ngân hàng tài chính của Thổ Nhĩ Kỳ đã giúp nước này vượt qua khủng hoảng tài chính toàn cầu và tăng trưởng GDP tăng trở lại khoảng 9% trong năm 2010 và 2011. phục hồi sau cuộc khủng hoảng.

Sự tăng trưởng GDP của Thổ Nhĩ Kỳ kể từ năm 2016 đã cho thấy sự mất cân bằng cơ bản liên tục trong nền kinh tế Thổ Nhĩ Kỳ. Đặc biệt, thâm hụt tài khoản vãng lai lớn của Thổ Nhĩ Kỳ có nghĩa là nó phải dựa vào dòng vốn đầu tư bên ngoài để tài trợ cho tăng trưởng, khiến cho nền kinh tế dễ bị mất ổn định trong việc thay đổi niềm tin của nhà đầu tư. Các xu hướng tiêu cực khác bao gồm thất nghiệp gia tăng và lạm phát, tăng lên trong năm 2017, do sự mất giá liên tục của đồng lira Thổ Nhĩ Kỳ so với đồng đô la. Mặc dù nợ của chính phủ vẫn ở mức thấp khoảng 30% GDP, ngân hàng và vay doanh nghiệp gần như tăng gấp ba lần so với GDP trong thập kỷ qua, vượt xa các thị trường mới nổi và khiến các nhà đầu tư lo ngại về tính bền vững lâu dài của nó.

2. Các ngành kinh tế mũi nhọn:

Tài nguyên thiên nhiên phong phú, công nghiệp khai khoáng phát triển, khai thác 900.000 tấn crôm/năm (đứng đầu thế giới). Trữ lượng dầu lửa 139 triệu tấn. Sản lượng dầu khoảng 3 triệu tấn/năm. Thổ phải nhập khẩu dầu thô, chiếm 10,5% tổng giá trị nhập khẩu. Ngoài ra còn có than đá, đồng, bo.

3. Các chỉ số kinh tế

	2014	2015	2016	2017	2018	2019
GDP (ppp)	1.512 tỷ USD	1.985 tỷ USD	2,106 tỷ USD	2,173 tỷ USD	2,299 tỷ USD	2,346 tỷ USD
Tăng trưởng GDP	5.2%	6.1%	2.9%	7%	2.8%	0.1%
GDP theo đầu người	12,127 USD	10,984 USD	10, 862 USD	10,546 USD	9,311 USD	8,957 USD
GDP theo ngành (2016)	 Dịch vụ 61.40% Công nghiệp 31.80% Nông nghiệp 6.70%					
Lực lượng lao động	27.56 triệu người	29.4 triệu người	30.54 triệu người	31.3 triệu người	32.1 triệu người	33.1 triệu người
Tỷ lệ thất nghiệp	9.2%		10.9%	11.2%	10%	12.8%
Tỷ lệ lạm phát	8.9%	7.7%	8.5%	11.1%	12.1%	12.3%
Mặt hàng nông nghiệp	Thuốc lá, vải sợi, ngũ cốc, ô liu, củ cải đường, quả phi, xung, cây có múi; chăn nuôi					
Các ngành nông nghiệp	Dệt máy, chế biến thực phẩm, ô tô, đồ điện, khai khoáng, sắt thép, dầu khí, xây dựng, gỗ, giấy					
Kim ngạch xuất khẩu	157.6 tỷ USD	143.8 tỷ USD	150.2 tỷ USD	157.3 tỷ USD	168 tỷ USD	180.4 tỷ USD
Mặt hàng XK chính	Rau, quả, hàng dệt may, sắt, thép, thiết bị vận tải					

Đối tác XK chính (2015)	Đức 9.3%, Anh 7.3%, Iraq 5.9%, Ý 4.8%, Hoa Kỳ 4.5%, Pháp 4.1%					
Kim ngạch nhập khẩu	154.2 tỷ USD	207.2 tỷ USD	142.5 tỷ USD	196.8 tỷ USD	223.1 tỷ USD	210.4 tỷ USD
Mặt hàng XK chính	Máy móc, hoá chất, xăng dầu, thiết bị vận tải					
Đối tác NK chính (2015)	Trung Quốc 12%, Đức 10.3%, Nga 9.8%, Hoa Kỳ 5.4%, Ý 5.1%					

III. QUAN HỆ NGOẠI GIAO – CHÍNH TRỊ VỚI VIỆT NAM

Ngày 7/6/1978, hai nước thiết lập quan hệ ngoại giao.

Tháng 2/1997, Thổ Nhĩ Kỳ lập Đại sứ quán thường trú tại Hà Nội.

Tháng 10/1999, ta mở Văn phòng Đại diện Thương mại tại Istanbul.

Tháng 7/2002, ta mở Tổng Lãnh sự quán tại Istanbul.

Tháng 10/2003, ta nâng TLSQ tại Istanbul lên Đại sứ quán và chuyển về An-ca-ra.

Các chuyến thăm cao cấp gần đây

Các đoàn ta thăm Thổ Nhĩ Kỳ:

Bộ trưởng Thương mại Lê Văn Triết (8/1997). Phó Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Phúc Thanh (từ 24/5 đến 5/6/1998). Phó Thủ tướng Nguyễn Công Tạn (từ 28/10 đến 1/11/1999). Bộ trưởng Ngoại giao Nguyễn Dy Niên (20-23/6/2005). Tổng cục trưởng Tổng cục Du lịch Võ Thị Thắng (9/2005). Đại tướng Lê Hồng Anh, Ủy viên Bộ Chính trị, Bộ trưởng Bộ Công An (8/2007). Phó Chủ tịch nước Nguyễn Thị Doan. (9/6/2010). Phó Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Đức Kiên (2/2011). Phó Chủ tịch nước Nguyễn Thị Doan (5/2011), Thứ trưởng Ngoại giao Nguyễn Phương Nga (4/2013)

Các đoàn bạn thăm Việt Nam:

Bộ trưởng Ngoại giao ISMAIL CEM (từ 20 đến 22/2/1998). Đặc phái viên của Bộ trưởng Ngoại giao (tháng 4/2006). Đại sứ, Đặc phái viên Bộ trưởng Ngoại giao (12/2007). Bộ trưởng Nội vụ vào họp UBHH 28-31/8/2006. Đại sứ CH Thổ Nhĩ Kỳ Ates Oktem (8/5/2008). Thứ trưởng Ngoại giao Unal Cevikoz (1/2010). Bộ trưởng Ngoại giao Ahmed Davutoglu (7/2010). Đại sứ CH Thổ Nhĩ Kỳ Ates Oktem (17/5/2011), Thủ tướng Thổ Nhĩ Kỳ Binali Yildirim (8/2017)

Hai bên luôn ủng hộ lẫn nhau Thủ tướng Binali Yildirim đề nghị Việt Nam ủng hộ Thổ Nhĩ Kỳ ứng cử vào Hội đồng Chấp hành UNESCO nhiệm kỳ 2017- 2021 và bày tỏ ủng hộ Việt Nam làm Ủy viên không thường trực Hội đồng Bảo an Liên Hợp Quốc nhiệm kỳ 2020- 2021.

IV. QUAN HỆ KINH TẾ VỚI VIỆT NAM

Ủy ban Liên chính phủ Việt Nam - Thổ Nhĩ Kỳ đã họp lần thứ 7 vào ngày 13/7/2017 nhằm trao đổi các thông tin liên về tình hình phát triển kinh tế tại mỗi nước và thảo luận, thống nhất một số biện pháp cụ thể nhằm thúc đẩy hơn nữa quan hệ hợp tác nhiều mặt giữa hai nước. Hai bên nhất trí đặt mục tiêu phấn đấu nâng kim ngạch thương mại hai chiều lên mức 4 tỷ USD vào năm 2020. Phía Thổ Nhĩ Kỳ đề xuất khởi xướng đàm phán một FTA song phương; trong khi phía Việt Nam đề nghị Thổ Nhĩ Kỳ công nhận

Việt Nam có nền kinh tế thị trường và hạn chế áp dụng các biện pháp phòng vệ thương mại đối với hàng xuất khẩu của Việt Nam để có thể xem xét, xử lý hài hòa lợi ích và mối quan tâm của nhau.

Về công nghiệp, hai bên nhất trí mở rộng hợp tác để hỗ trợ cho các hoạt động của các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Theo đó, Cục Công nghiệp địa phương thuộc Bộ Công Thương Việt Nam và Cơ quan quản lý doanh nghiệp vừa và nhỏ Thổ Nhĩ Kỳ-KOSGEB đã ký kết Kế hoạch hành động tại Kỳ họp lần này để tiếp tục thúc đẩy hoạt động hợp tác trong lĩnh vực doanh nghiệp vừa và nhỏ giữa hai bên. Về đầu tư, hai bên đã thống nhất xong nội dung Bản ghi nhớ hợp tác trong lĩnh vực quản lý các khu kinh tế, khu công nghiệp và khu chế xuất giữa Bộ Kế hoạch và Đầu tư Việt Nam và Bộ Kinh tế Thổ Nhĩ Kỳ để sớm ký kết vào thời điểm thuận tiện, tạo thuận lợi cho các hoạt động hợp tác trong lĩnh vực đầu tư giữa hai nước. Về hải quan, hai bên đã thống nhất xong nội dung Bản ghi nhớ hợp tác trong lĩnh vực hải quan giữa Bộ Tài chính và Bộ Thương mại và Hải quan Thổ Nhĩ Kỳ để ký kết vào thời gian sớm nhất. Về tiêu chuẩn chất lượng, hai bên cũng đã thống nhất xong nội dung thỏa thuận hợp tác giữa Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường chất lượng và Viện Tiêu chuẩn Thổ Nhĩ Kỳ. Đây là những khuôn khổ pháp lý quan trọng đối với các hoạt động giao thương, trao đổi thương mại của doanh nghiệp giữa hai nước.

Nhằm tạo thuận lợi cho hoạt động kinh doanh và đầu tư giữa hai nước, tháng 6/2016, Hãng hàng không Quốc gia Thổ Nhĩ Kỳ (Turkish Airlines) đã mở đường bay từ Hà Nội tới Thành phố Hồ Chí Minh nối chuyển rồi bay thẳng tới Istanbul với tần suất 7 chuyến/ tuần. Trước đó, hai nước đã ký kết các hiệp định về vận chuyển hàng không, vận tải biển, tránh đánh thuế hai lần.

1. Hợp tác thương mại

Năm 2018, thương mại Việt Nam - Thổ Nhĩ Kỳ sụt giảm, quan hệ đầu tư giữa hai nước hầu như không có nhiều tiến triển. Nhiều mặt hàng suy giảm kim ngạch xuất khẩu

Theo số liệu của Viện Thống kê Thổ Nhĩ Kỳ công bố, kim ngạch xuất khẩu của Thổ Nhĩ Kỳ đạt mức kỷ lục từ trước đến nay với 168 tỷ USD, tăng 7% trong năm 2018, giúp thu hẹp thâm hụt thương mại 28,3% so với năm 2017, xuống còn 55 tỷ USD. Kim ngạch nhập khẩu của Thổ Nhĩ Kỳ năm 2018 cũng giảm 4,6% xuống còn 223,1 tỷ USD. Sự sụt giảm về nhập khẩu của Thổ Nhĩ Kỳ tác động tiêu cực tới xuất khẩu của Việt Nam.

Trong năm 2018, mặc dù quan hệ ngoại giao-chính trị giữa Việt Nam và Thổ Nhĩ Kỳ có bước tiến mới, được đánh dấu bằng chuyến thăm của Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Thị Kim Ngân đến Thổ Nhĩ Kỳ vào đầu tháng 10 năm 2018, nhưng quan hệ thương mại không có nhiều biến chuyển, thậm chí kim ngạch thương mại song phương còn sụt giảm, quan hệ đầu tư giữa hai nước hầu như không có tiến triển.

Trong lĩnh vực đầu tư, nhiều doanh nghiệp Thổ Nhĩ Kỳ đã trì hoãn quyết định đầu tư do diễn biến kinh tế Thổ Nhĩ Kỳ không thuận lợi và cũng chưa có doanh nghiệp Việt Nam nào có dự định đầu tư sang Thổ Nhĩ Kỳ. Trong khi đó, không có hoạt động xúc tiến thương mại đáng kể nào được tiến hành giữa hai nước và đóng góp vào tăng trưởng thương mại, ngoại trừ Diễn đàn Đầu tư Kinh doanh Thổ Nhĩ Kỳ - Việt Nam vào đầu tháng 10 năm 2018 nhân chuyến thăm của Chủ tịch Quốc hội ta với sự tham gia của 30 doanh nghiệp Việt Nam và khoảng 150 doanh nghiệp sở tại, tuy nhiên các doanh nghiệp chủ yếu đạt được sự hợp tác trong lĩnh vực dịch vụ, đầu tư.

Về quan hệ thương mại với Việt Nam trong năm 2018, theo số liệu của Viện Thống kê Thổ Nhĩ Kỳ (TUIK), tổng kim ngạch thương mại Việt Nam – Thổ Nhĩ Kỳ năm 2018 đạt 2,15 tỷ USD trong đó kim ngạch nhập khẩu từ Việt Nam đạt 1,84 tỷ USD và kim ngạch xuất khẩu sang Việt Nam là 308,7 triệu USD. Theo số liệu của Tổng cục Hải quan Việt Nam, trong năm 2018, tổng kim ngạch thương mại với Thổ Nhĩ Kỳ đạt xấp xỉ 1,7 tỷ USD trong đó kim ngạch xuất khẩu sang Thổ Nhĩ Kỳ đạt 1,41 tỷ USD

(giảm 25,8% so với năm 2017) và kim ngạch nhập khẩu đạt 285,64 triệu USD (tăng 27,6% so với năm 2017).

Trái với xu hướng tăng dần về những tháng cuối năm trong năm 2017, xuất khẩu của Việt Nam sang Thổ Nhĩ Kỳ trong năm 2018 có xu hướng giảm dần về cuối năm, tuy nhiên những tháng sụt giảm mạnh nhất lại tương ứng với những tháng ngay sau tháng có biến động tỷ giá mạnh tại Thổ Nhĩ Kỳ. Cụ thể, theo số liệu của phía Thổ Nhĩ Kỳ, sau đợt mất giá của đồng lira vào tháng 5 (khoảng 20%), kim ngạch xuất của Việt Nam sang Thổ Nhĩ Kỳ vào tháng 6 sụt giảm chỉ còn 109,4 triệu USD, giảm tới 42,8% so với tháng 5. Cũng tương tự, kim ngạch xuất khẩu trong tháng 9 đã giảm về mức 116 triệu USD, giảm tới 26,9% so với tháng 8 tương ứng với đợt mất giá của đồng lira.

Như vậy, tình hình xuất khẩu của Việt Nam sang Thổ Nhĩ Kỳ trong năm 2018 biến động cùng chiều với xu hướng suy giảm nhập khẩu của Thổ Nhĩ Kỳ, điều này là dễ hiểu bởi vì quan hệ thương mại giữa hai nước dựa trên các chính sách thương mại trên cơ sở sở tối huệ quốc và không có những thay đổi hay ưu đãi đặc biệt, đáng kể tác động đến chính sách thương mại giữa hai nước trong năm 2017. Hay nói cách khác, do không có những ưu đãi trong thương mại giữa hai nước và các hoạt động xúc tiến thương mại đáng kể giữa hai nước nên kim ngạch thương mại giữa hai nước vận động theo tình hình chung tại Thổ Nhĩ Kỳ.

Đánh giá về cơ cấu hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam sang Thổ Nhĩ Kỳ, có thể chia thành 2 nhóm chính: nhóm hàng tiêu dùng bao gồm điện thoại di động linh kiện, máy tính-thiết bị điện tử, dệt may, da giày, hạt điều (đã chiếm tới 67,2% về tỷ trọng trong tổng kim ngạch xuất khẩu sang Thổ Nhĩ Kỳ năm 2017 theo số liệu của phía bạn) và nhóm nguyên liệu sản xuất như xơ sợi, máy móc thiết bị, vải, vải kỹ thuật, đá granite, gỗ (chiếm tỷ trọng 18,1%). Phần còn lại cũng có nhiều mặt hàng thuộc 2 nhóm trên nhưng tỷ trọng nhỏ.

Phần lớn các mặt hàng thuộc nhóm hàng tiêu dùng đều do các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam sản xuất, xuất khẩu dưới thương hiệu riêng và chiến lược sản phẩm riêng và có hệ thống phân phối rất chuyên nghiệp tại địa bàn sở tại, do đó kim ngạch xuất khẩu phần lớn phụ thuộc vào nhu cầu hàng tiêu dùng tại nước sở tại và sức cạnh tranh của sản phẩm về mặt thương hiệu, tính năng... với các sản phẩm cùng loại sản xuất tại các nước khác. Đối với nhóm hàng là nguyên liệu sản xuất, xuất khẩu phụ thuộc vào tình hình sản xuất kinh doanh và xuất khẩu của Thổ Nhĩ Kỳ do nước này phải sử dụng nguyên liệu nhập khẩu từ Việt Nam cho sản xuất hàng tiêu dùng và xuất khẩu do đó sẽ phụ thuộc trực tiếp vào tình hình sản xuất công nghiệp và gián tiếp vào sức mua của người tiêu dùng trong nước và xuất khẩu của nước này.

Trong năm 2018, các sản phẩm chính thường đóng góp cao vào kim ngạch xuất khẩu như điện thoại các loại và linh kiện; máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện; máy móc thiết bị, dụng cụ phụ tùng khác; phương tiện vận tải và phụ tùng; gỗ và sản phẩm gỗ, nông sản như cao su, hạt tiêu đều bị giảm sút về kim ngạch xuất khẩu. Điều đáng buồn là 3 mặt hàng chiếm tỷ trọng lớn nhất là điện thoại di động và linh kiện, máy tính – sản phẩm điện tử và linh kiện và xơ sợi lại đều sụt giảm, trong đó mặt hàng máy tính-thiết bị điện tử và linh kiện sụt giảm chỉ còn phân nửa so với kim ngạch năm 2017.

Kim ngạch XNK giữa Việt Nam – Thổ Nhĩ Kỳ qua các năm

Năm	Việt Nam xuất khẩu	Việt Nam nhập khẩu	Tổng kim ngạch	Mức tăng (%)
2013	1,173,487	97,001	1,270,488	13.3
2014	1,507,730,862	129,997,705	1,637,728,567	14.5
2015	1,359,637,354	147,444,639	1,507,081,993	-8%
2016	1,328,764,249	171,383,644	1,500,147,893	-0.46%

2017	1 900 462 211	223,725,231	2,124,187,442	
2018	1.411,363, 052	285,645,574	1,697,008,626	
2019	1.140,337,000	352.782,440	1,493,119,440	

Đơn vị: USD - nguồn Tổng Cục Hải quan

Thực tế cho thấy, Thổ Nhĩ Kỳ thực sự là thị trường tiềm năng lớn đối với các mặt hàng xuất khẩu Việt Nam. Đây là cửa ngõ để hàng xuất khẩu Việt Nam: gạo, cao su, chè, may mặc, giày dép, hàng điện tử, hàng thủ công mỹ nghệ... vào khu vực Trung Đông và nơi trung chuyển vào thị trường EU. Ngược lại Thổ Nhĩ Kỳ có khả năng cung cấp nguyên liệu cho ngành công nghiệp của Việt Nam như phôi thép, sắt thép, vật liệu xây dựng, bông, hóa chất, phụ tùng ô tô...

Cùng với đó, việc hãng hàng không Thổ Nhĩ Kỳ Turkis Airlines đã mở đường bay thẳng từ Istanbul đến TP.HCM là cầu nối quan trọng để doanh nghiệp hai nước có thể thúc đẩy các hoạt động trao đổi buôn bán thương mại và đầu tư.

2. Hợp tác đầu tư

Đầu tư của Thổ Nhĩ Kỳ vào Việt Nam còn ở mức khiêm tốn. Tính đến tháng 7/2017, tổng số vốn đầu tư của Thổ Nhĩ Kỳ vào Việt Nam chỉ mới đạt 704.55 triệu USD với 16 dự án còn hiệu lực và đứng thứ 27 trong số 122 quốc gia và vùng lãnh thổ đầu tư tại Việt Nam. Tính riêng tháng 7/2017, Thổ Nhĩ Kỳ có 1 dự án cấp mới với số vốn là 0.2 triệu USD.

V. HỢP TÁC VỚI VCCI

Nhìn chung hợp tác giữa Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt nam với các tổ chức xúc tiến của Thổ Nhĩ Kỳ vẫn chưa có gì lớn, phần lớn là theo vụ việc, tổ chức các sự kiện hoặc cung cấp thông tin phục vụ doanh nghiệp. VCCI luôn cử đại diện tham gia các kỳ họp Ủy ban Liên Chính phủ Việt Nam - Thổ Nhĩ Kỳ và hỗ trợ, cung cấp thông tin cho các doanh nghiệp là thành viên của Hội đồng doanh nghiệp Thổ Nhĩ Kỳ - Việt Nam.

1. Thỏa thuận hợp tác đã ký kết

- Liên đoàn các Phòng Thương mại và Sở giao dịch hàng hoá Thổ Nhĩ Kỳ (TOBB) - 10/2009

2. Hoạt động đã triển khai

- 10/2007, trong khuôn khổ chương trình xúc tiến thương mại trọng điểm quốc gia, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam đã tổ chức đoàn 30 doanh nghiệp tiến hành khảo sát thị trường Hy Lạp và Thổ Nhĩ Kỳ.

- 10/2009, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt nam (VCCI) phối hợp với Đại sứ quán Thổ Nhĩ Kỳ tại Việt Nam và Liên đoàn các Phòng Thương mại và Công nghiệp và Sở giao dịch hàng hoá Thổ Nhĩ Kỳ (TOBB) tiếp đón đoàn doanh nghiệp Thổ Nhĩ Kỳ tới thăm Việt nam và tổ chức cuộc gặp gỡ doanh nghiệp hai nước, với sự tham gia gần 100 đại biểu bao gồm đại diện của các tổ chức xúc tiến thương mại và tập đoàn lớn của Thổ Nhĩ Kỳ và nhiều doanh nghiệp Việt Nam quan tâm tới thị trường này.

- 30/10/2009 - Hội đồng doanh nghiệp Việt Nam - Thổ Nhĩ Kỳ được thành lập theo sáng kiến của VCCI, bao gồm các hội viên là các doanh nghiệp Việt Nam có quan hệ làm ăn với đối tác Thổ Nhĩ Kỳ.

- 06/2010- Hội đồng doanh nghiệp Việt Nam - Thổ Nhĩ Kỳ đã tổ chức đoàn doanh nghiệp Việt Nam sang Thổ Nhĩ Kỳ tham dự sự kiện Cầu nối thế giới 2010 (World Trade Bridge 2010) theo lời mời của TUSKON. Đoàn đã tiếp xúc với nhiều doanh nghiệp Thổ Nhĩ Kỳ, đi thăm một số địa phương và được Thống đốc các bang, Thị trưởng thành phố và các đại diện của Hiệp hội doanh nghiệp địa phương đón

tiếp. Bước đầu các doanh nghiệp Việt Nam đã đạt được 1 số thỏa thuận với đối tác bạn để xúc tiến ký kết các hợp đồng xuất khẩu hàng nông sản và đồ thủ công mỹ nghệ sang thị trường Thổ Nhĩ Kỳ. Dự kiến, phía bạn sẽ sang thăm Việt Nam vào tháng 8/2010 theo lời mời của Hội đồng.

- 22/02/2011, tại Hà Nội, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam đã phối hợp với Liên đoàn các doanh nhân và công nghiệp Thổ Nhĩ Kỳ (TUSKON) và Bộ Công thương tổ chức hội thảo “Thương mại và Đầu tư Việt Nam- Thổ Nhĩ Kỳ” với sự tham gia của 29 doanh nghiệp của Thổ Nhĩ Kỳ trong các lĩnh vực sản xuất vật liệu xây dựng, máy móc, sắt thép, xi măng, công nghiệp ô tô, phụ tùng, may mặc, thực phẩm, hàng điện tử, đồ nội thất, bảo hiểm và dịch vụ tài chính, du lịch, giáo dục, kinh doanh chuỗi siêu thị, vàng bạc đá quý.. thu hút hơn 100 doanh nghiệp trong nước đang hoạt động trên các lĩnh vực đầu tư kinh doanh xuất nhập khẩu.

- 13/07/2017, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam phối hợp với Hội đồng Kinh tế Đối ngoại Thổ Nhĩ Kỳ (DEIK) và Đại sứ quán Thổ Nhĩ Kỳ tại Việt Nam tổ chức cuộc gặp gỡ doanh nghiệp Việt Nam - Thổ Nhĩ Kỳ.

VI. THÔNG TIN HỮU ÍCH

1. Địa chỉ hữu ích

Đơn vị - Địa chỉ	Tel/Fax	Email/Website
Việt Nam		
Ban Quan hệ quốc tế, VCCI Số 9 Đào Duy Anh, Hà Nội	T: 84-4-35771380	ducva@vcci.com.vn
Đại sứ quán Thổ Nhĩ Kỳ tại Việt Nam 4th Flr., North Star Building, 4 Da Tuong Str., Hanoi	T: 84-4-38222460 F: 84-4-38222458	turkeyhn@fpt.vn
Thổ Nhĩ Kỳ		
Đại sứ quán Việt Nam tại Thổ Nhĩ Kỳ Koza Sokak No 109, Gaziosmanpasa, Ankara, Turkey	T:+90212 4468049 F:+90212 4468049	dsqynturkey@mofa.gov.vn
DEIK (Foreign Economic Relations Broad) Dış Ekonomik İlişkiler Kurulu TOBB Plaza Talatpaşa cad. No:3 Kat:5 34394 Gültepe Levent İstanbul TURKEY	T:+90212 339 50 00 F: +90212 270 30 92	info@deik.org.tr www.keskuskauppakamari.fi
Hiệp hội xuất khẩu Thổ Nhĩ Kỳ		www.turkishtime.org
Hiệp hội thương mại nước ngoài Thổ Nhĩ Kỳ		www.turktrade.org.tr

2. Các thông tin khác

*Website [CIA – The World Factbook](#)

*Website [Bộ Ngoại giao Việt Nam](#)

Bảng 1: Xuất khẩu VN Thổ Nhĩ Kỳ (Tháng 2/2020)

Nước/Mặt hàng chủ yếu	ĐVT	Số liệu tháng báo cáo		Cộng dồn đến hết tháng báo cáo	
		Lượng	Trị giá (USD)	Lượng	Trị giá (USD)

THỔ NHĨ KỲ			78.119.201		129.767.467
Hàng thủy sản	USD		975.992		1.587.079
Chè	Tấn	17	39.398	33	79.658
Hạt tiêu	Tấn	170	316.695	275	518.095
Gạo	Tấn	144	74.810	194	104.102
Chất dẻo nguyên liệu	Tấn	16	20.480	45	70.724
Sản phẩm từ chất dẻo	USD		1.043.793		1.889.164
Cao su	Tấn	2.283	3.423.961	3.978	5.967.796
Sản phẩm từ cao su	USD		703.600		1.410.354
Gỗ và sản phẩm gỗ	USD		526.022		748.887
Xơ, sợi dệt các loại	Tấn	6.729	14.701.896	9.442	21.578.054
Hàng dệt, may	USD		3.650.412		6.110.784
Giày dép các loại	USD		1.789.920		6.117.385
Nguyên phụ liệu dệt, may, da, giày	USD		164.339		341.625
Sắt thép các loại	Tấn	209	224.117	299	331.094
Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	USD		15.417.402		23.087.108
Điện thoại các loại và linh kiện	USD		14.865.702		23.730.729
Máy móc, thiết bị, dụng cụ phụ tùng khác	USD		4.247.678		9.285.340
Phương tiện vận tải và phụ tùng	USD		1.997.982		2.989.890
Hàng hóa khác	USD		13.935.004		23.819.599

Bảng 2: Nhập khẩu VN Thổ Nhĩ Kỳ (tháng 2/2020)

Nước/Mặt hàng chủ yếu	ĐVT	Số liệu tháng báo cáo		Cộng dồn đến hết tháng báo cáo	
		Lượng	Trị giá (USD)	Lượng	Trị giá (USD)
THỔ NHĨ KỲ			26.756.002		49.328.991
Thức ăn gia súc và nguyên liệu	USD		320.250		552.740
Quặng và khoáng sản khác	Tấn	4.191	837.861	8.118	1.443.651
Hóa chất	USD		1.599.803		4.596.496
Sản phẩm hóa chất	USD		1.198.697		1.778.445
Dược phẩm	USD		691.905		1.933.065
Sản phẩm từ chất dẻo	USD		340.509		973.618
Vải các loại	USD		2.509.872		4.565.656
Sắt thép các loại	Tấn	836	572.470	892	618.143
Hàng điện gia dụng và linh kiện	USD		228.589		524.785
Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác	USD		8.006.133		13.779.218
Linh kiện, phụ tùng ô tô	USD		1.135.515		3.878.230
Hàng hóa khác	USD		9.314.399		14.684.942